



# MASTER MHN-LA

## MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH

Đèn halogen kim loại thạch anh nhỏ gọn với hai tim đèn

### Cảnh báo và An toàn

- Chỉ sử dụng với những bộ đèn kín hoàn toàn, ngay cả trong quá trình thử nghiệm (IEC61167, IEC 62035, IEC60598)
- Bộ đèn phải có khả năng giữ lại mảnh vỡ nóng khi bóng đèn bị vỡ
- Khả năng bóng đèn vỡ gây ảnh hưởng đến sức khỏe người dùng là gần như không thể. Nếu bóng đèn bị vỡ, hãy thông gió cho phòng trong 30 phút và tháo các bộ phận ra, tốt hơn là nên đeo găng tay. Đặt các bộ phận vào một túi nhựa kín và mang đến các cơ sở xử lý chất thải địa phương để tái chế. Không sử dụng máy hút bụi.

### Dữ liệu sản phẩm

| Thông tin chung                       |                                       |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Đế dui đèn                            | X528                                  |
| Vị trí vận hành                       | P5 [Song song +/-5D hoặc Ngang (HOR)] |
| Tuổi thọ đến khi hỏng 50% (Danh định) | 15.000 h                              |

| Thông tin kỹ thuật về đèn         |                    |
|-----------------------------------|--------------------|
| Màu màu                           | 956 [CCT of 5600K] |
| Ký hiệu màu sắc                   | Ánh sáng ban ngày  |
| Tọa độ màu X (Danh định)          | 337                |
| Tọa độ màu Y (Danh định)          | 331                |
| Nhiệt độ màu tương ứng (Nom)      | 5600 K             |
| Quang hiệu (định mức) (Danh định) | 86,0 lm/W          |
| Chỉ số hoàn màu (CRI)             | 80                 |
| Độ dài cung O (Danh định)         | 40,5 mm            |

| Vận hành và điện    |           |
|---------------------|-----------|
| Mức tiêu thụ điện   | 1.040,0 W |
| Điện áp (Danh định) | 125 V     |

| Điện áp (Danh định)              | 125 V |
|----------------------------------|-------|
| Điều khiển và điều chỉnh độ sáng |       |
| Có thể điều chỉnh độ sáng        | Không |

| Cơ khí và vỏ đèn        |            |
|-------------------------|------------|
| Lớp hoàn thiện bóng đèn | Trong suốt |
| Hình dạng bóng đèn      | TD40       |

| Phê duyệt và ứng dụng                |          |
|--------------------------------------|----------|
| Hàm lượng thủy ngân (Hg) (Danh định) | 95 mg    |
| Mức tiêu thụ năng lượng kWh/1000 h   | 1144 kWh |

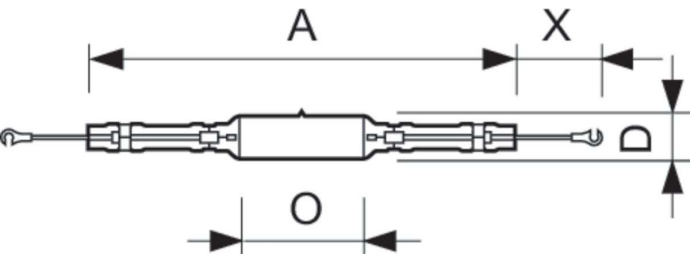
| Dữ liệu sản phẩm    |                                  |
|---------------------|----------------------------------|
| Tên sản phẩm khác   | MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH |
| Tên sản phẩm đầy đủ | MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH |
| Mã sản phẩm đầy đủ  | 871150020077800                  |
| Mã đơn hàng         | 928072205130                     |
| Số vật liệu (12NC)  | 928072205130                     |

MASTER MHN-LA

|                                    |               |
|------------------------------------|---------------|
| Phần tử - Số lượng trên một bộ     | 1             |
| EAN/UPC - Sản phẩm/Hộp             | 8718291548218 |
| Phần tử - Số bộ trên một hộp ngoài | 1             |

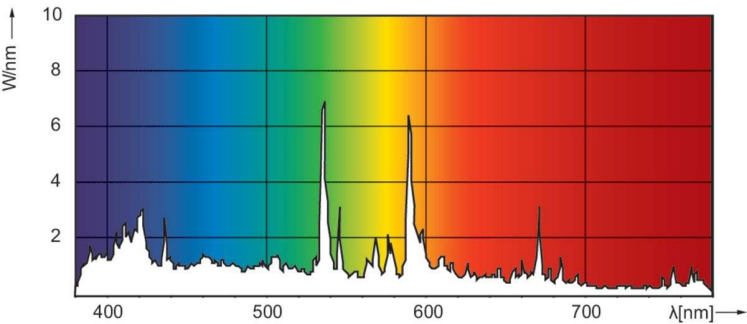
|              |               |
|--------------|---------------|
| EAN/UPC - Vô | 8711500200778 |
|--------------|---------------|

Bản vẽ kích thước



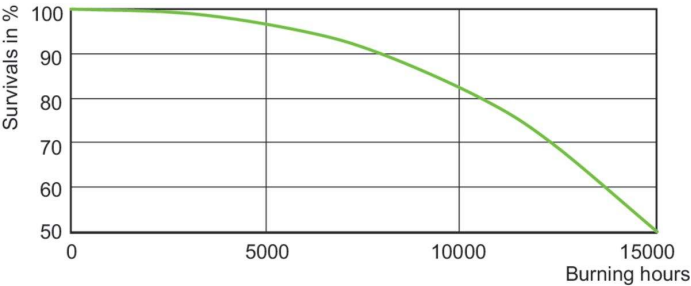
| Product                          | D (max) | O       | X     | A      |
|----------------------------------|---------|---------|-------|--------|
| MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH | 40 mm   | 40,5 mm | 35 mm | 286 mm |

Dữ liệu phân bố ánh sáng

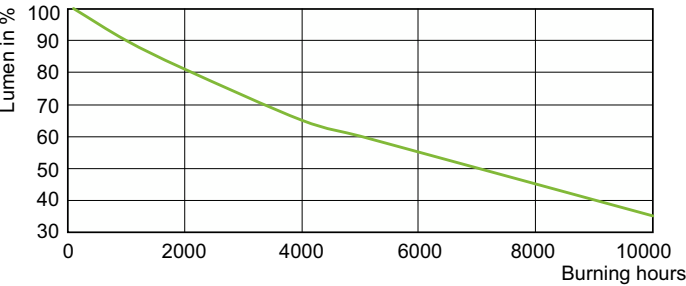


Spectral Power Distribution Colour - MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH

Tuổi thọ



Life Expectancy Diagram - MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH



Lumen Maintenance Diagram - MASTER MHN-LA 1000W/956 230V XWH

